https://trungtamthuoc.com/

Thành phần:

Acetyl Leucin (N-Acetyl-DL-Leucin)	500 mg
Tá dược .....vừa đủ 1 viên	

ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG.
ĐỂ XA TẦM TAY TRẺ EM.

Chỉ định, chống chỉ định, liều dùng, cách dùng và các thông tin khác:
Xem trong tờ hướng dẫn sử dụng bên trong hộp.

Bảo quản: Nơi khô ráo, nhiệt độ không quá 30°C, tránh ánh sáng trực tiếp.

Tiêu chuẩn: TCCS

SANILCIN
Acetyl Leucin 500 mg

SANILCIN
Acetyl Leucin 500 mg
EU GMP
Hộp 3 vỉ x 10 viên nén

SĐK (Reg.No):
Số lô sx (Lot.No):
NSX (Mfg.Date):
HD (Exp. Date):

Cơ sở sản xuất: **Nhà máy HDPHARMA EU - CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG**
Đ/c: Tầng 2, tòa nhà 4A, thửa đất số 307, cụm Công nghiệp Cẩm Thượng, phường Cẩm Thượng, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương
TEL: 0220.3853848
Cơ sở phân phối:
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SANTA VIỆT NAM
Đ/c: Số nhà 11, ngách 12, ngõ 29, phố Khương Hạ, phường Khương Đình, quậnThanh Xuân, thành phố Hà Nội

Box of 3 blister x 10 tablets
SANILCIN
Acetyl Leucine 500 mg
EU GMP

SANILCIN
Acetyl Leucin 500 mg

M.S.D.N: 0800011018-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG
TP. HẢI DƯƠNG - T. HẢI DƯƠNG

TỔNG GIÁM ĐỐC
DSCK I: NGUYỄN THỊ TÚ ANH

https://trungtamthuoc.com/

Thành phần:

Acetyl Leucin (N-Acetyl-DL-Leucin)	500 mg
Tá dược .....vừa đủ 1 viên	

ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG.
ĐỂ XA TẦM TAY TRẺ EM.

SĐK (Reg.No):
Số lô sx (Lot.No):
NSX (Mfg.Date):
HD (Exp. Date):

Chỉ định, chống chỉ định, liều dùng, cách dùng và các thông tin khác:
Xem trong tờ hướng dẫn sử dụng bên trong hộp.
Bảo quản: Nơi khô ráo, nhiệt độ không quá 30°C, tránh ánh sáng trực tiếp.
Tiêu chuẩn: TCCS
Cơ sở sản xuất: **Nhà máy HDPHARMA EU - CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG**
Đ/c: Tầng 2, tòa nhà 4A, thửa đất số 307, cụm Công nghiệp Cẩm Thượng, phường Cẩm Thượng, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương
TEL: 0220.3853848
Cơ sở phân phối:
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SANTA VIỆT NAM
Đ/c: Số nhà 11, ngách 12, ngõ 29, phố Khương Hạ, phường Khương Đình, quậnThanh Xuân, thành phố Hà Nội

SANILCIN
Acetyl Leucin 500 mg

SANILCIN
Acetyl Leucin 500 mg
EU GMP
Hộp 5 vỉ x 10 viên nén

COMPOSITION:

Acetyl Leucine (N-Acetyl-DL-Leucine)	500 mg
Excipients: .....q.s.f 1 tablet	

READ THE PACKAGE INSERT CAREFULLY BEFORE USE.
KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN

Indication, contraindication, dosage, and other information:
Read the package insert enclosed in the box
Storage: Store in dry place, at temperature not exceed 30°C, protected from sunlight.
Specifications: In-house

Manufactured by: **HDPHARMA EU PLANT - HAI DUONG PHARMACEUTICAL MEDICAL MATERIALS.,JSC**
2nd Floor of Building 4A, Lot No 307, Cam Thuong industrial park, Cam Thuong ward, Hai Duong city, Hai Duong province, Vietnam.
Distributed by:
SANTAPHARMA., JSC
No. 11, Alley 12, Lane 29, Khuong Ha Street, Khuong Dinh Ward, Thanh Xuan District, Hanoi City

Box of 5 blister x 10 tablets
SANILCIN
Acetyl Leucine 500 mg
EU GMP

SANILCIN
Acetyl Leucin 500 mg

Số lô sx:
HD:

SANILCIN
Acetyl Leucin (N-Acetyl-DL-Leucin) 500 mg
EU - GMP
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG

M.S.D.N: 0800011018-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG
TP. HẢI DƯƠNG - T. HẢI DƯƠNG

TỔNG GIÁM ĐỐC
DSCK I: NGUYỄN THỊ TÚ ANH

https://trungtamthuoc.com/

EU GMP

SANILCIN

Acetyl Leucin 500 mg

Hộp 10 vỉ x 10 viên nén

Thành phần:

Acetyl Leucin (N-Acetyl-DL-Leucin)	500 mg
Tá dược .....vừa đủ 1 viên	

Chỉ định, chống chỉ định, liều dùng, cách dùng và các thông tin khác:
Xem trong tờ hướng dẫn sử dụng bên trong hộp.
Bảo quản: Nơi khô ráo, nhiệt độ không quá 30°C, tránh ánh sáng trực tiếp.
Tiêu chuẩn: TCCS
ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG.
ĐỂ XA TẦM TAY TRẺ EM.

SĐK (Reg.No):
Số lô sx (Lot.No):
NSX (Mfg.Date):
HD (Exp. Date):

Cơ sở sản xuất: **Nhà máy HDPHARMA EU - CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG**
Đ/c: Tầng 2, tòa nhà 4A, thửa đất số 307, cụm Công nghiệp Cẩm Thượng, phường Cẩm Thượng, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương
TEL: 0220.3853848
Cơ sở phân phối:
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SANTA VIỆT NAM
Đ/c: Số nhà 11, ngách 12, ngõ 29, phố Khương Hạ, phường Khương Đình, quậnThanh Xuân, thành phố Hà Nội

EU GMP

SANILCIN

Acetyl Leucine 500 mg

Box of 10 blister x 10 tablets

Composition:

Acetyl Leucine (N-Acetyl-DL-Leucine)	500 mg
Excipients: .....q.s.f 1 tablet	

Indication, contraindication, dosage, and other information:
Read the package insert enclosed in the box
Storage: Store in dry place, at temperature not exceed 30°C, protected from sunlight.
Specifications: In-house
READ THE PACKAGE INSERT CAREFULLY BEFORE USE.
KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN

Manufactured by: **HDPHARMA EU PLANT - HAI DUONG PHARMACEUTICAL MEDICAL MATERIALS.,JSC**
2nd Floor of Building 4A, Lot No 307, Cam Thuong Industrial park, Cam Thuong ward, Hai Duong city, Hai Duong province, Vietnam.
Distributed by:
SANTAPHARMA., JSC
No. 11, Alley 12, Lane 29, Khuong Ha Street, Khuong Dinh Ward, Thanh Xuan District, Hanoi City

M.S.D.N: 0800011018-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG
TP. HẢI DƯƠNG-T. HẢI DƯƠNG

TỔNG GIÁM ĐỐC
DSCKI: NGUYỄN THỊ TÚ ANH

https://trungtamthuoc.com/

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

Tên thuốc: SANILCIN

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng. Để xa tầm tay trẻ em.

1. Thành phần công thức thuốc:

Thành phần hoạt chất:	***Hàm lượng***
Acetyl Leucin (N-Acetyl-DL-Leucin)	500 mg
Thành phần tá dược: Microcrystalline cellulose M101D+, Microcrystalline cellulose M102D+, Natri starch glycolat, Dicalci phosphat anhydrous, Colloidal Silicon dioxid, Povidon K30, Natri croscarmellose, Talc, Magnesi stearat.	Vừa đủ 1 viên

2. Dạng bào chế: Viên nén. Viên nén hình thuôn dài, màu trắng đến trắng ngà, thành và cạnh viên lành lặn.

3. Chỉ định:

Điều trị triệu chứng chóng mặt ở người lớn.

4. Cách dùng, liều dùng:

4.1. Liều dùng:

- Liều khuyến cáo cho người lớn là 3 - 4 viên/ngày, chia hai lần vào buổi sáng và buổi tối.
- Thời gian điều trị thay đổi tùy theo diễn biến lâm sàng (từ 10 ngày đến 5 - 6 tuần); khi bắt đầu điều trị hoặc trong một số trường hợp không cải thiện, có thể tăng liều lên 6 - 8 viên/ngày.

4.2. Cách dùng:

- Dùng thuốc theo đường uống.

5. Chống chỉ định:

- Quá mẫn với bất kỳ thành phần nào của thuốc.

6. Cảnh báo và thận trọng khi dùng thuốc:

- Đã quan sát thấy phản ứng quá mẫn (có thể nghiêm trọng, ví dụ như sốc phản vệ, phù thanh quản). Nên ngừng điều trị khi có dấu hiệu đầu tiên của phản ứng quá mẫn sau khi dùng thuốc.

https://trungtamthuoc.com/

- Thuốc này có chứa dưới 1 mmol (23 mg) natri trong mỗi viên, về cơ bản được xem như 'không chứa natri'.

7. Sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai và cho con bú:

- Phụ nữ mang thai:

Không có hoặc có rất ít dữ liệu về việc sử dụng thuốc ở phụ nữ mang thai. Không có dữ liệu trên động vật về độc tính sinh sản. Do vậy, để phòng ngừa, không nên sử dụng thuốc trong thời kỳ mang thai.

- Phụ nữ cho con bú:

Không có dữ liệu về việc Acetyl Leucin (N-Acetyl-DL-Leucin) và các chất chuyển hóa của nó có được bài tiết qua sữa mẹ hay không. Không thể loại trừ nguy cơ đối với trẻ bú sữa mẹ. Do vậy, không nên sử dụng thuốc trong thời gian cho con bú.

- Khả năng sinh sản:

Không có dữ liệu về tác dụng của thuốc đối với khả năng sinh sản.

8. Ảnh hưởng của thuốc lên khả năng lái xe, vận hành máy móc:

Thuốc không ảnh hưởng hoặc ảnh hưởng không đáng kể đến khả năng lái xe và vận hành máy móc.

9. Tương tác thuốc, tương kỵ của thuốc:

*** Tương tác thuốc:**

Chưa có báo cáo về tương tác thuốc.

*** Tương kỵ thuốc:**

Do không có các nghiên cứu về tính tương kỵ của thuốc, không trộn lẫn thuốc này với các thuốc khác.

10. Tác dụng không mong muốn của thuốc:

Rất thường gặp (≥ 1/10); thường gặp (1/100 ≤ ADR < 1/10); ít gặp (1/1.000 ≤ ADR < 1/100); hiếm gặp (1/10.000 ≤ ADR <1/1.000); rất hiếm gặp (< 1/10.000); không rõ (không thể ước tính từ dữ liệu có sẵn).

Rối loạn hệ thống miễn dịch	Không rõ: Phản ứng quá mẫn, sốc phản vệ và phù thanh quản.

https://trungtamthuoc.com/

Rối loạn da và mô dưới da	Rất hiếm gặp (< 1/10.000): Ngứa, ban đỏ, nổi mề đay.
Rối loạn tiêu hóa	Không rõ: Đau bụng.

Thông báo ngay cho bác sỹ hoặc dược sĩ khi gặp các tác dụng không mong muốn như trên khi sử dụng thuốc hoặc báo cáo các phản ứng có hại của thuốc về Trung tâm Thông tin thuốc và Theo dõi phản ứng có hại của thuốc (ADR) Quốc Gia.

11. Quá liều và cách xử trí:

- Không có dữ liệu về sử dụng thuốc quá liều, không dùng quá liều chỉ định của thuốc.

- Xử trí:

Trong trường hợp quá liều, nên điều trị triệu chứng nếu cần thiết.

12. Đặc tính dược lực học:

- Nhóm dược lý: Thuốc điều trị chóng mặt.

- Mã ATC: N07CA04.

- Cơ chế tác dụng của thuốc chưa rõ.

13. Đặc tính dược động học:

Sau khi uống, nồng độ đỉnh trong huyết tương của thuốc đạt được sau khoảng 2 giờ.

14. Quy cách đóng gói: Hộp 3 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên; kèm hướng dẫn sử dụng.

15. Điều kiện bảo quản, hạn dùng, tiêu chuẩn chất lượng của thuốc:

- *Điều kiện bảo quản:* Để nơi khô ráo, nhiệt độ không quá 30^0C, tránh ánh sáng trực tiếp.
- *Hạn dùng*: 36 tháng kể từ ngày sản xuất.
- *Tiêu chuẩn chất lượng:* TCCS.

16. Tên, địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc:

NHÀ MÁY HDPHARMA EU –

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG

https://trungtamthuoc.com/

Địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà 4A, Thửa đất số 307, cụm Công nghiệp Cẩm Thượng, phường Cẩm Thượng, TP. Hải Dương, Tỉnh Hải Dương

ĐT: 0220.3853.848

17. Tên, địa chỉ của cơ sở phân phối thuốc:

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SANTA VIỆT NAM

Địa chỉ: Số nhà 11, ngách 12, ngõ 29, phố Khương Hạ, phường Khương Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.